

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2025/DS-PT

Ngày: 08 - 01 - 2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Thông Kbuôr

*Các Thẩm phán:*

Ông Võ Thanh Hà

Ông Nguyễn Duy Thuần

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Ván - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 348/2024/DS-PT ngày 13 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2024/DS-ST ngày 09/09/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 398/2024/QĐ-PT, ngày 04/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 380/2024/QĐ-PT ngày 20/12/2024, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hồng P;

Địa chỉ: Số 32 Hà Huy T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H; Địa chỉ: 02 Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

**\* Bị đơn:** Ông Lê Quý C và bà Phùng Thị Minh T;

Địa chỉ: 02/61 Nguyễn T, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt;

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị M;

Địa chỉ: 226/01 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt;

**\* Kháng cáo:** Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:**

Ngày 31/01/2024, ông Lê Quý C và bà Phùng Thị Minh T có vay của ông Nguyễn Hồng P số tiền 300.000.000 đồng để ông Lê Quý C và bà Phùng Thị Minh T thực hiện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 96, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất: phường Tân Thành, tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 632766 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/08/2019. Hai bên thỏa thuận, sau 15 ngày kể từ ngày ông Lê Quý C và bà Phùng Thị Minh T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên thì ông C, bà T sẽ đi thế chấp quyền sử dụng đất nói trên cho Ngân hàng để vay vốn và trả tiền vay nói trên cho ông Nguyễn Hồng P. Tuy nhiên, khi ông C, bà T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên (ngày 22/02/2024) thì ông C, bà T không thực hiện như cam kết để trả tiền vay cho ông Nguyễn Hồng P mà ông C, bà T lại đi chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên cho bố mẹ của ông, bà là ông Ph, bà L nhằm tẩu tán tài sản.

Ông Nguyễn Hồng P đã nhiều lần yêu cầu ông C, bà T trả cho ông Nguyễn Hồng P số tiền đã vay nhưng ông C, bà T cố tình không chịu trả và né tránh. Vì vậy, kính đề nghị quý tòa buộc ông Lê Quý C và bà Phùng Thị Minh T phải trả số tiền gốc và lãi tính từ ngày vi phạm là ngày 08/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi xuất là 10%/năm. Nguyên đơn thừa nhận có sự việc thỏa thuận tại chi Cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột vào ngày 31/01/2024 theo đó ông C, bà T tự nguyện đứng ra trả nợ thay cho người phải thi hành án là bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Đức T trả nợ cho ông Nguyễn Hồng P số tiền là 500.000.000 đồng. Đồng thời ông Nguyễn Hồng P có nghĩa vụ đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 24/8/2023 để ông C, bà T đi làm thủ tục đứng tên quyền sử hữu quyền sử dụng đất. Đối với số nợ còn lại của bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Đức T thì ông Nguyễn Hồng P đề nghị cơ quan thi hành án tiếp tục xác minh tài sản của ông T, bà M để xử lý theo quy định pháp luật.

**\* Bị đơn ông Lê Quý C và bà Phùng Thị Minh T trình bày:**

Tôi Lê Quý C cùng vợ là bà Phùng Thị Minh T có ký kết với vợ chồng ông Lâm Đức T và bà Nguyễn Thị M Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 11636 do Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 19/8/2023 về việc chuyển nhượng nhà đất thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 18, diện tích 104,3 m<sup>2</sup>, địa

chỉ tại phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 632766, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH-13501 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/8/2019. Giá chuyển nhượng là 2.850.000.000 đồng. Chúng tôi đã thanh toán toàn bộ số tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho bà M, ông T và thực hiện các thủ tục về đăng ký biến động, nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ngày 24/8/2023 Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ-BPKCTT về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” và đã phong tỏa thửa đất số 96, tờ bản đồ số 18, địa chỉ tại phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột theo đơn yêu cầu ngăn chặn của ông Nguyễn Hồng P.

Việc ông T, bà M nợ tiền ông P thì ông P khởi kiện ông T, bà M ra Tòa án là vấn đề riêng của hai bên không liên quan đến chúng tôi, bởi chúng tôi nhận chuyển nhượng thửa đất số 96 này xảy ra trước thời điểm hai bên ông T và bà M với ông P vay tiền tranh chấp và chúng tôi hoàn toàn là bên ngay tình. Hành vi của ông P đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi. Bởi chúng tôi phải đi vay Ngân hàng và người quen để trả cho bà M và ông T số tiền 2.850.000.000 đồng. Sau khi sang tên quyền sử dụng đất nêu trên chúng tôi dự định sẽ bán kiếm lợi nhuận và trả nợ nhưng do việc làm của ông P đã làm chúng tôi không thể thực hiện được việc đăng bộ đứng tên quyền sở hữu được.

Chúng tôi đã khiếu nại về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 24/8/2023 nhưng lại không được phía Tòa án lại không chấp thuận. Gánh nặng do khoản nợ 2.850.000.000 đồng không cho phép chúng tôi kéo dài thời gian lâu được, bắt buộc dĩ nên chúng tôi phải thỏa thuận với ông P về việc chúng tôi sẽ thay ông T, bà M trả cho ông P số tiền 500.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột để ông P đồng ý làm đơn gỡ bỏ biện pháp ngăn chặn thửa đất số 96 của chúng tôi đã chuyển nhượng trước đó. Đồng thời, ngày 31/01/2024 chúng tôi làm thêm 01 Giấy vay tiền giả cách về việc vợ chồng tôi mượn ông P số tiền 300.000.000 đồng.

Thực tế không có việc giao nhận tiền. Mục đích của giấy vay tiền 300.000.000 đồng này là để ông Nguyễn Hồng P phải thực hiện các thủ tục hành chính liên quan gỡ bỏ biện pháp ngăn chặn tài sản tôi đã mua của bà M, ông T để vợ chồng tôi đăng ký quyền sở hữu quyền sử dụng đất nêu trên sang tên vợ chồng tôi. Thực tế giữa chúng tôi không có quan hệ quen biết với ông P nên không có cam kết

ông P hỗ trợ làm thủ tục sang tên vì trong cả quá trình làm thủ tục đứng tên quyền sở hữu thửa đất số 96 sang tên vợ chồng tôi đều do chúng tôi tự mình thực hiện.

Vì vậy, điều kiện có hiệu lực của Giấy vay tiền ngày 31/01/2024 đã không xảy ra vì giữa chúng tôi không có quan hệ vay tiền để làm gì trong khi cùng ngày tôi đi vay tiền 500.000.000 đồng của người khác để nộp tiền trả thay người phải thi hành án bà M, ông T trong Bản án, quyết định thi hành án trả tiền cho ông P. Còn việc ông P cho rằng chúng tôi phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông số tiền 300.000.000 đồng này thì ông phải chứng minh rằng các bên có hoạt động vay tiền thực tế hay không, giấy vay tiền tôi viết tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột lúc 15 giờ 30 ngày 31/01/2024 trùng với thời điểm lập biên bản giải quyết thi hành án lúc tôi nộp tiền trả nợ thay cho ông P nhưng ông P lại bắt tôi viết giấy vay lúc 15 giờ 30 ngày 31/01/2024 tại nhà vợ chồng tôi là 02/61 Nguyễn T, phường E, thành phố Buôn Ma Thuột là trùng thời điểm nên tôi xác định ông P chưa bao giờ biết và đến nhà tôi để cho vay tiền. Do ông P không chứng minh được việc vợ chồng tôi vay tiền để làm gì, thời gian địa điểm giao số tiền trên nên tôi đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hợp đồng vay tiền giữ vợ chồng tôi và ông Nguyễn Hồng P là vô hiệu do giả cách và bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng P theo quy định

\* Đối với ông Lâm Đức T và bà Nguyễn Thị M: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không lên Tòa án làm việc và không có lý do.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 206/2024/DS-ST ngày 09/09/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, 124, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng P về việc: Buộc ông Lê Quý C và bà Phùng Thị Minh T phải trả số tiền 315.083.000 đồng; Trong đó: 300.000.000 đồng tiền gốc và lãi là: 15.083.000 đồng cho ông Nguyễn Hồng P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Hồng P phải nộp số tiền 15.754.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 7.500.000

đồng tạm ứng án phí ông P đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu số 0010010 ngày 07/5/2024. Ông Nguyễn Hồng P còn phải nộp số tiền 8.254.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 12/9/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết vụ án và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P; giữ nguyên Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2024/DS-ST ngày 09/09/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp các File ghi âm nội dung nói chuyện của bà Phùng Thị Minh T và những tin nhắn trao đổi giữa ông P và bà T trong đó có những nội dung thể hiện ngoài thỏa thuận việc ông Lê Quý C và bà Phùng Thị Minh T phải trả khoản tiền 500.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hồng P theo thỏa thuận được lập tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột thì giữa hai bên còn có khoản vay nợ khác. Do đây là tình tiết mới được cung cấp tại cấp phúc thẩm, quá trình giải quyết cũng đã triệu tập ông C và bà T lên làm việc nhưng ông bà đều vắng mặt và cung cấp đơn trình bày ý kiến và xác định giọng nói trong các file ghi âm và các tin nhắn zalo không phải của bà. Vì đây là những tình tiết mới chưa được hòa giải, đối chất làm rõ, có hay không những tin nhắn trao đổi có nội dung như vậy giữa bà T và ông P, có đúng tin nhắn và giọng nói trong các file ghi âm là của bà T hay không, các đương sự có yêu cầu giám định giọng nói hay không. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của

các đương sự cũng như xác định đúng sự thật khách quan phát sinh tại cấp phúc thẩm cần huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2024/DS-ST ngày 09/09/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P.

- Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 203/2024/DSST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 31/01/2024 ông Lê Quý C và bà Phùng Thị Minh T có ký giấy vay tiền với số tiền 300.000.000 đồng của ông Nguyễn Hồng P; mục đích vay là để ông Nguyễn Hồng P hỗ trợ ông Lê Quý C và bà Phùng Thị Minh T thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 96, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất: phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 632766 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/08/2019 mà trước đó nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Đức T, giấy vay không ghi lãi xuất, không thế chấp tài sản gì, hạn trả là 15 ngày kể từ ngày ông C, bà T làm xong bì a đỏ.

Do ông C và bà T không trả nợ đúng hạn nên ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc trả. Phía ông C và bà T cho rằng chữ ký trong giấy vay đúng là của ông bà nhưng thực tế không có việc giao nhận tiền. Mục đích của giấy vay tiền 300.000.000 đồng này là để ông Nguyễn Hồng P phải thực hiện các thủ tục hành chính liên quan gỡ bỏ biện pháp ngăn chặn tài sản tôi đã mua của bà M, ông T để vợ chồng tôi đăng ký quyền sở hữu quyền sử dụng đất nêu trên sang tên vợ chồng tôi, điều kiện có hiệu lực của Giấy vay tiền ngày 31/01/2024 đã không xảy ra vì ông P không hỗ trợ



làm thủ tục sang tên vì trong cả quá trình làm thủ tục đứng tên quyền sở hữu thửa đất số 96 sang tên vợ chồng tôi đều do chúng tôi tự mình thực hiện.

Tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp các File ghi âm nội dung nói chuyện của bà Phùng Thị Minh T và những tin nhắn trao đổi giữa ông P và bà T. Trong đó thể hiện, giữa ông P và bà Minh T đã có mối quan hệ quen biết với nhau. Giữa hai người đã nhắn tin qua lại để trao đổi thỏa thuận việc hỗ trợ thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 96 và cho thấy ông P đã hỗ trợ thực hiện tất cả những thủ tục cần thiết cho bà T và có nhắc đến khoản vay 300.000.000 đồng cụ thể ông P nhắn: *“Em đã hỗ trợ chị tới đa lúc sang bìa rồi”*.... *“Giờ gần 30 ngày rồi chị vẫn không gửi phần còn lại cho em”*...bà Minh T trả lời *“Chị biết rồi chị đang lo cho em đây”*.. *“em yên tâm nhé”*

Theo tin nhắn ngày 16/3/2024 bà T xin ông P gia hạn trả khoản nợ thêm 15 ngày và ông P có nhắc đến khoản vay 300.000.000 đồng và bà T cũng nhắn tin trả lời với nội dung *“C hiểu ý em rồi”*.

Theo tin nhắn ngày 09/4/2024 Minh T nhắn với nội dung *“Em giam ngăn chặn 08 tháng trời tiền lãi nóng gần bằng tiền nhà, thêm khoản 500 chị đưa hôm thỏa thuận với em nữa không đủ trả luôn”*. Như vậy, có thể thấy ngoài thỏa thuận việc ông Lê Quý C và bà Phùng Thị Minh T phải trả khoản tiền 500.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hồng P theo thỏa thuận được lập tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột thì giữa hai bên còn có khoản vay nợ khác.

Do đây là tình tiết mới được cung cấp tại cấp phúc thẩm, quá trình giải quyết cũng đã triệu tập ông C và bà T lên làm việc nhưng ông bà đều vắng mặt và cung cấp đơn trình bày ý kiến và xác định giọng nói trong các file ghi âm và các tin nhắn zalo không phải của bà. Vì đây là những tình tiết mới chưa được hòa giải, đối chất làm rõ, có hay không những tin nhắn trao đổi có nội dung như vậy giữa bà T và ông P, có đúng tin nhắn và giọng nói trong các file ghi âm là của bà T hay không, các đương sự có yêu cầu giám định giọng nói hay không. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự cũng như xác định đúng sự thật khách quan vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2024/DS-ST ngày 09/09/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[4]. Về án phí và chi phí tố tụng:

[4.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng và án phí DSST sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[4.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên ông Nguyễn Hồng P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Hồng P;  
- Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2024/DS-ST ngày 09/09/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về chi phí tố tụng và án phí:

[2.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng và án phí DSST sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hồng P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Đăng Công TTĐT TANDTC
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Y Thông Kbuôr**